



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Khu Công nghiệp Cao su Bình Long

Ngày 30/06/2025	30,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.9%	-	-2.1%

DT thuần Q2/25
26.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.70 16.6%
YoY: ▲ 1.80 7.6%

LN thuần Q2/25
14.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.10 8.4%
YoY: ▼13.4 -48.8%

LN sau thuế Q2/25
12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.60 15.4%
YoY: ▼9.80 -44.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
57.9%
YoY: +/- ▼ 0.5%

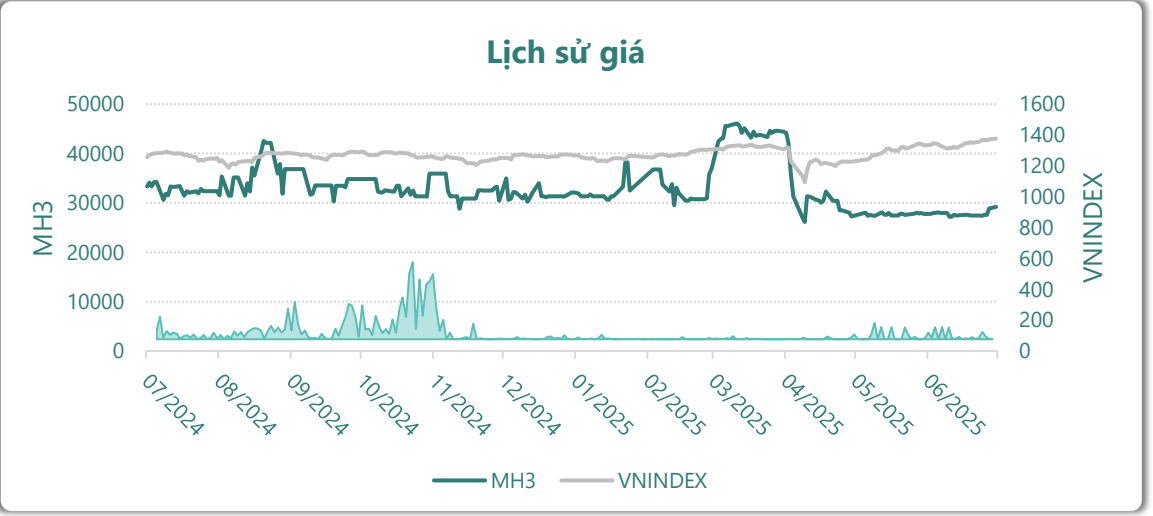
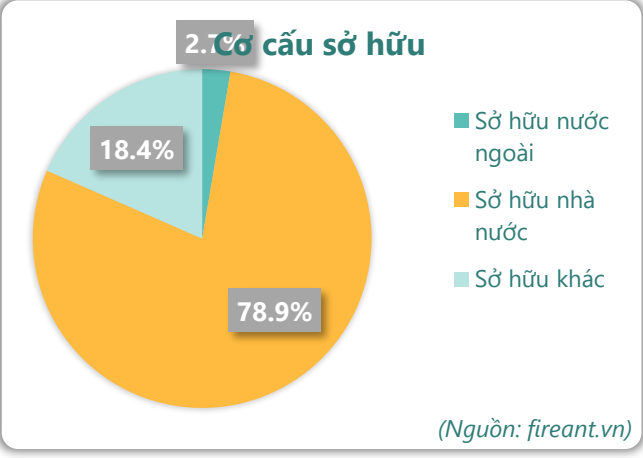
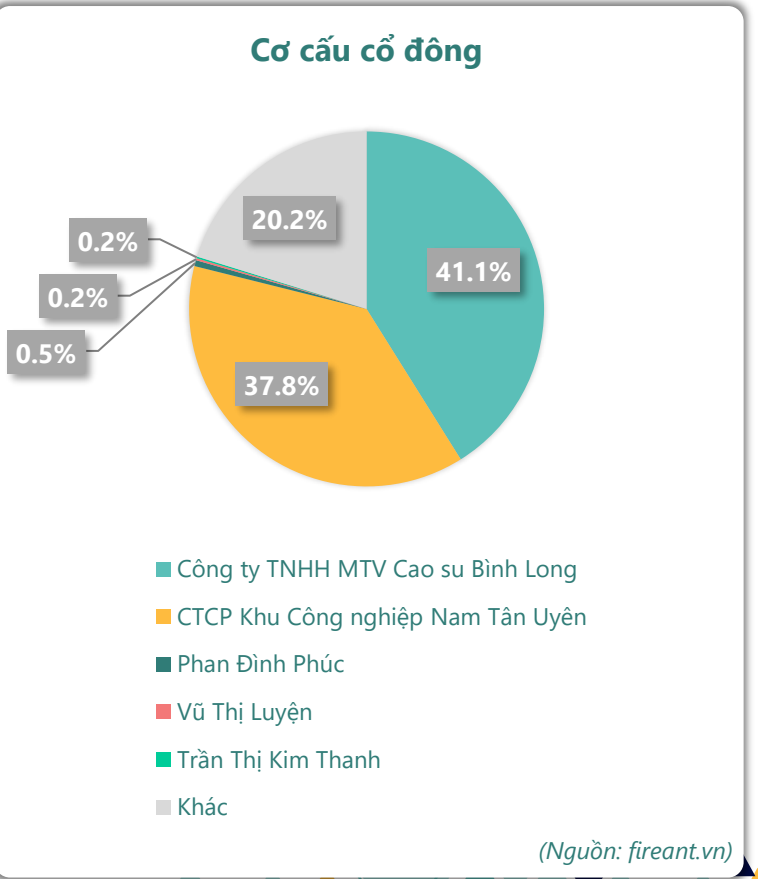
ROE (TTM) Q2/25
7.1%
YoY: +/- ▼ 1.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	26,121 - 46,067
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	737
Số lượng CPLH (CP)	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,820
Sở hữu nước ngoài	2.7%
Beta	1.69
EPS	1,602
P/E	19.2

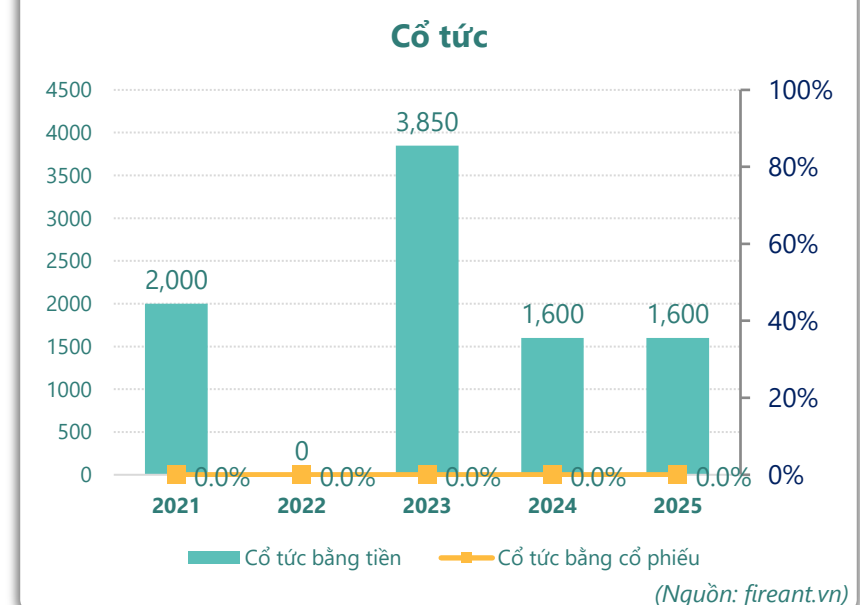
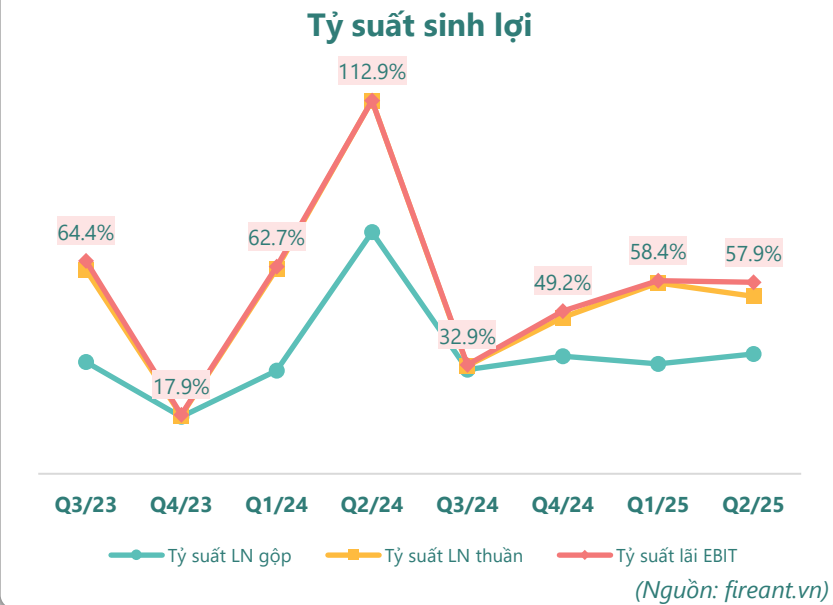
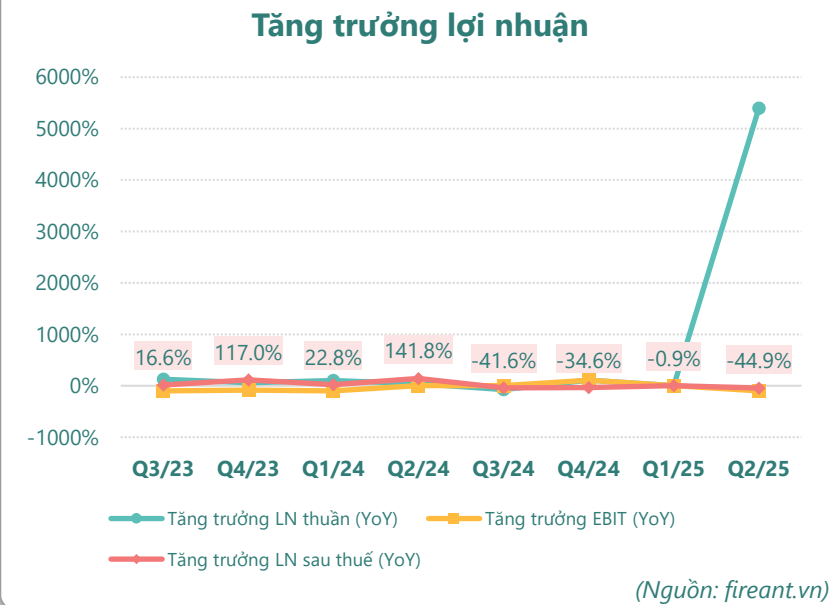
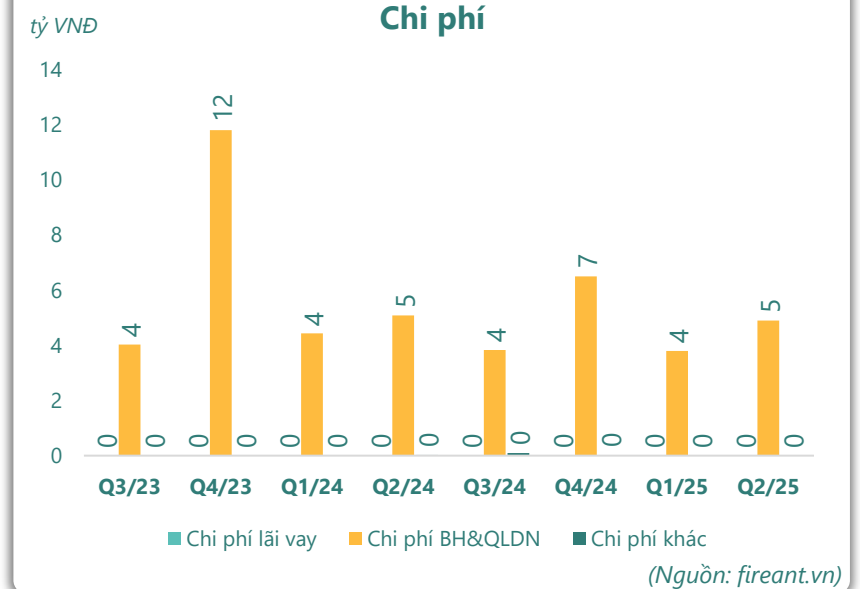
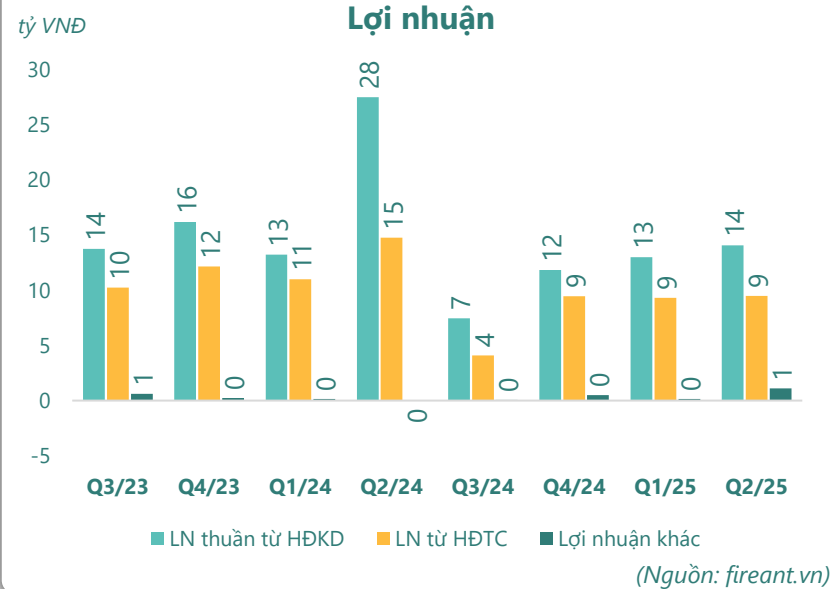
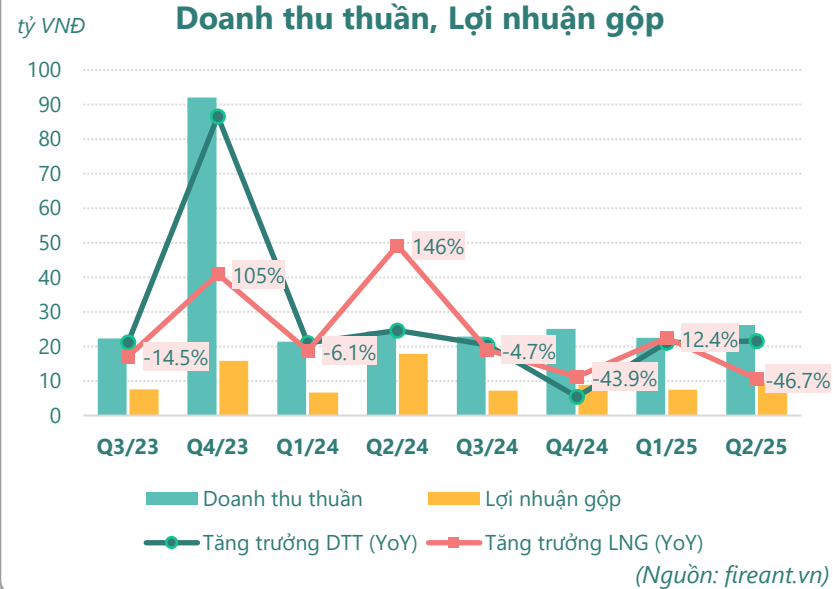
DT thuần 6T 2025
48.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.10 6.6%

LN thuần 6T 2025
27.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.7 -33.5%

LN sau thuế 6T 2025
22.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0 -30.7%



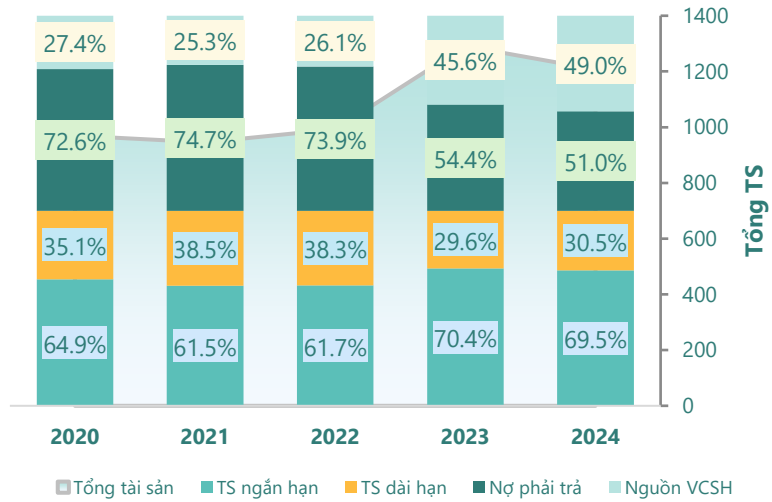
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

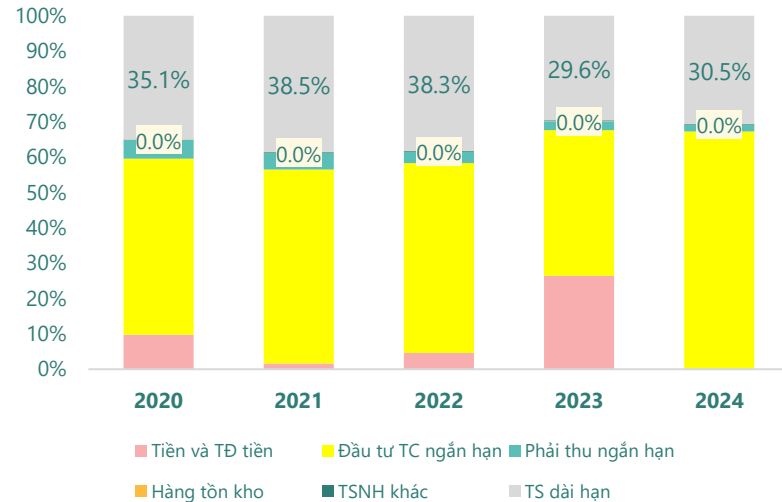
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

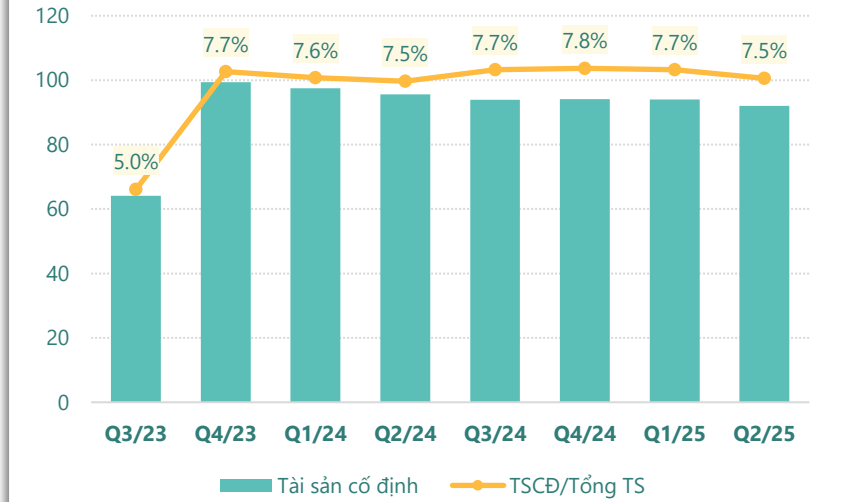
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

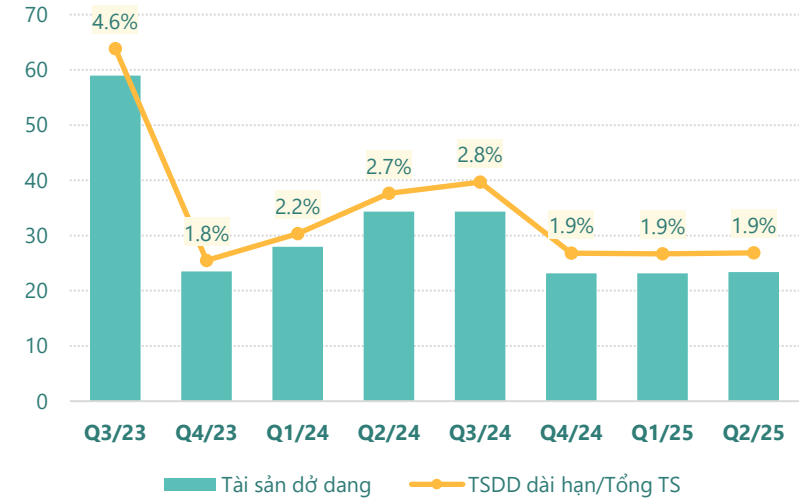
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

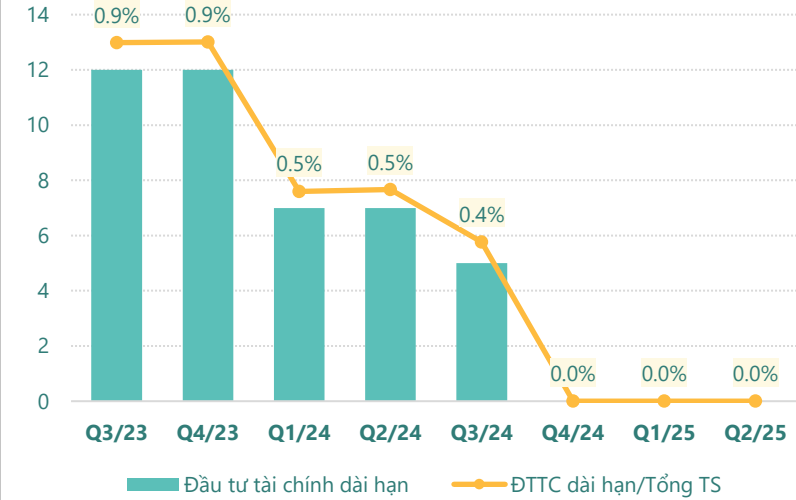
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

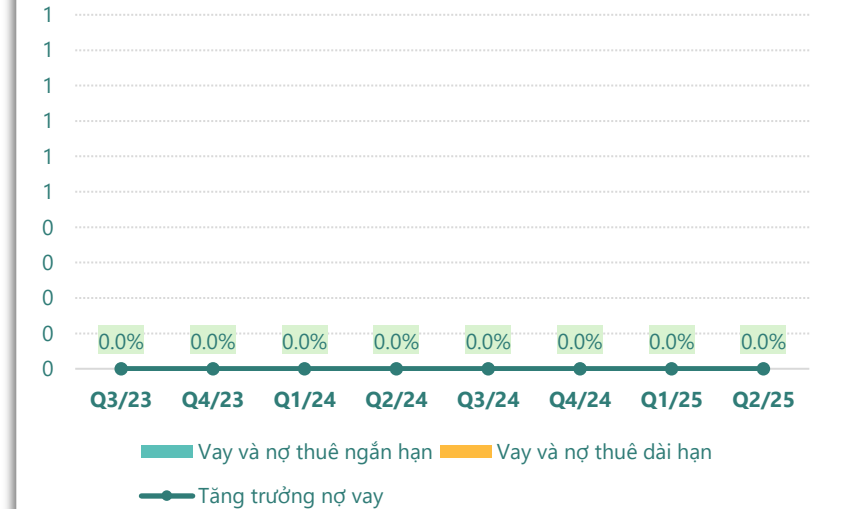
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

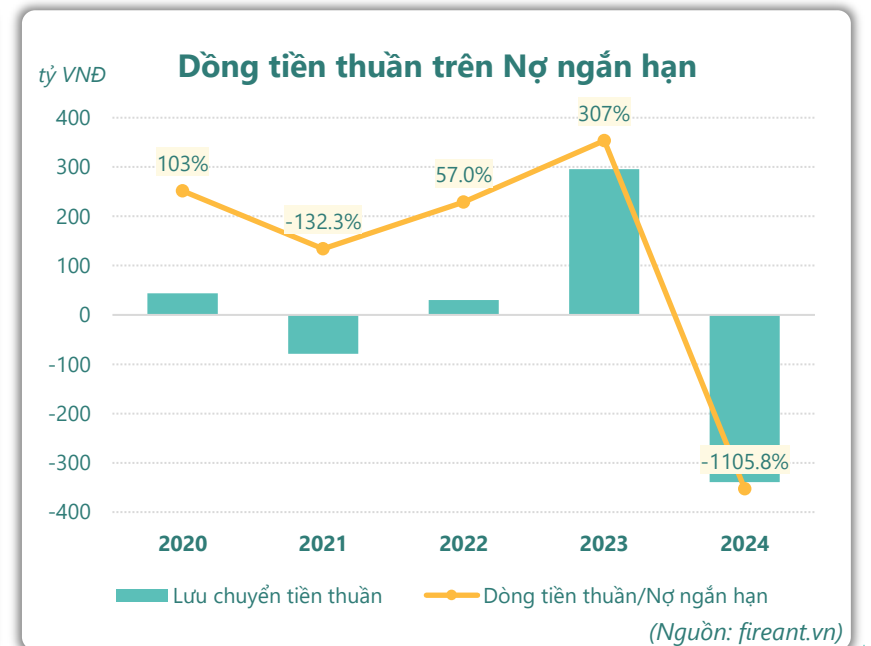
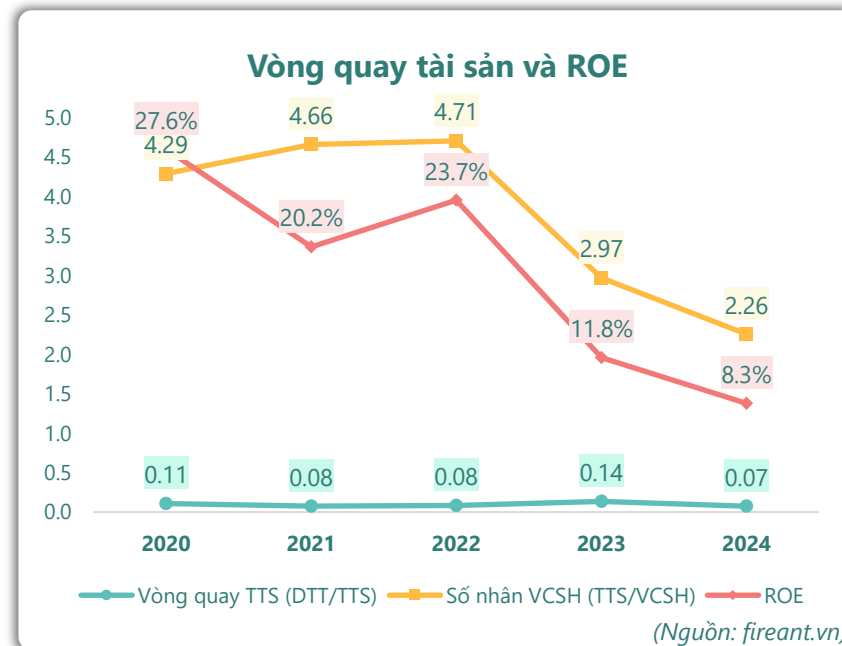
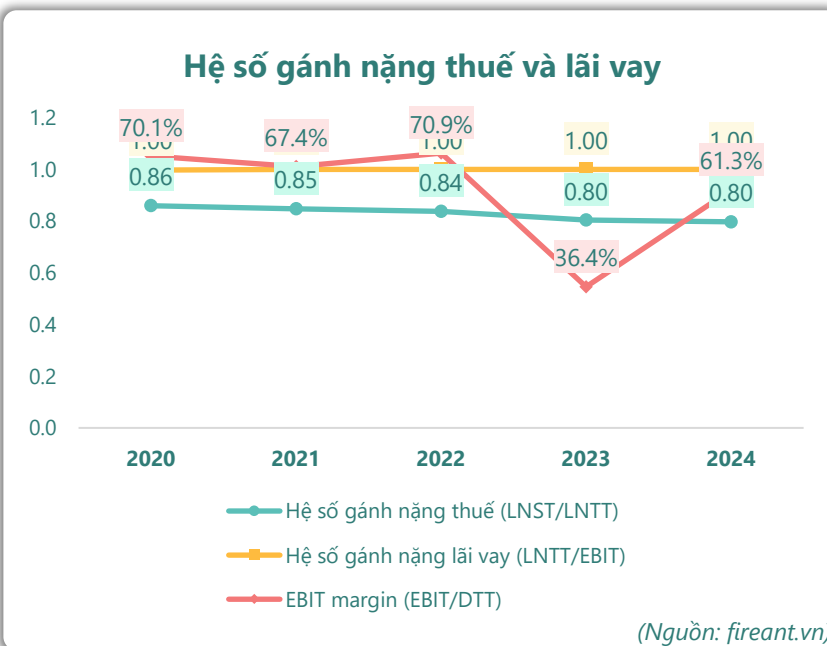
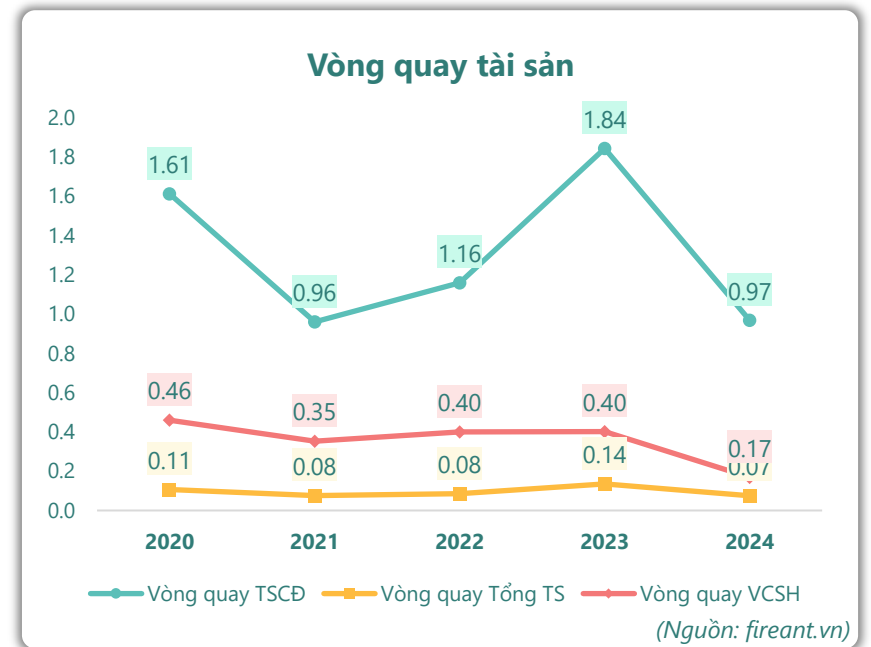
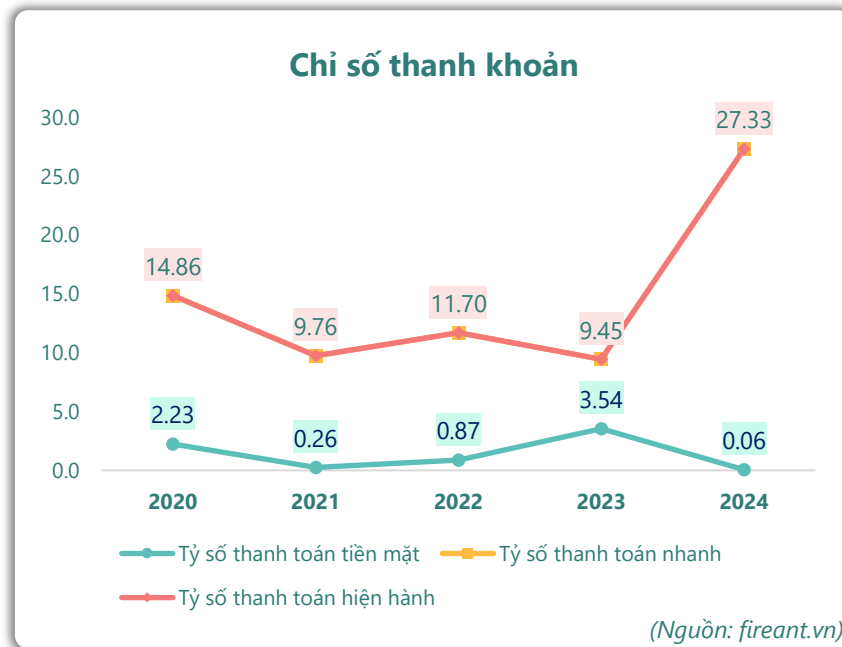
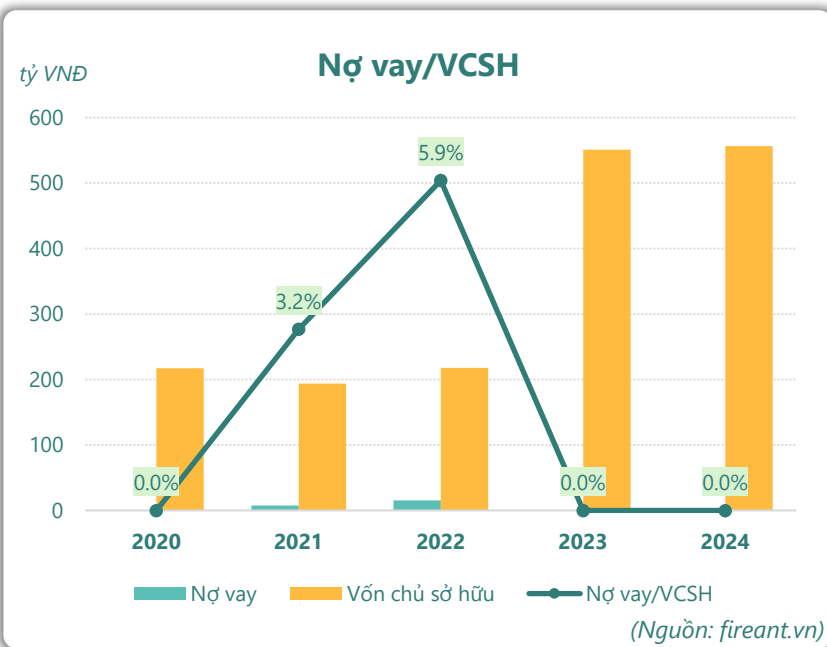
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	26.2	24.4	7.6%	48.8	45.7	6.6%
Giá vốn hàng bán	16.7	6.56	155%	31.8	21.2	49.6%
Lợi nhuận gộp	9.50	17.8	-46.6%	17.0	24.5	-30.6%
Doanh thu HĐTC	9.48	14.8	-35.9%	18.8	25.8	-27.1%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.02	0.02	20.4%	0.05	0.05	0.0%
Chi phí QLDN	4.88	5.07	-3.8%	8.66	9.48	-8.6%
LN thuần từ HĐKD	14.1	27.5	-48.8%	27.1	40.8	-33.5%
Lợi nhuận khác	1.11	-0.01	11160%	1.26	0.14	782%
LN trước thuế	15.2	27.5	-44.7%	28.4	40.9	-30.7%
Lợi nhuận sau thuế	12.1	21.9	-44.7%	22.6	32.6	-30.7%
LNST của CĐ cty mẹ	12.1	21.9	-44.7%	22.6	32.6	-30.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.9	-20.9	6.13	-0.56	1.06	12.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	38.9	0.42	-305	-6.32	0.20	-10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	17.7	-57.1	1.02	-0.02	0.02
Tiền đầu kỳ	341	366	363	7.73	1.86	3.11
Lưu chuyển tiền thuần	25.1	-2.82	-356	-5.86	1.24	2.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	366	363	7.73	1.86	3.11	5.38

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,219	1,207	1.0%
Tài sản ngắn hạn	858	838	2.4%
Tiền và tương đương tiền	5.38	1.86	189%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	820	810	1.2%
Phải thu ngắn hạn	31.4	23.7	32.3%
Hàng tồn kho	0.21	0.37	-44.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.20	2.16	-44.2%
Tài sản dài hạn	361	369	-2.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	92.0	94.1	-2.2%
Bất động sản đầu tư	128	133	-4.2%
Tài sản dở dang	23.4	23.2	1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	118	118	0.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	647	615	5.1%
Nợ ngắn hạn	87.1	30.7	184%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.42	4.91	10.5%
Nợ dài hạn	559	585	-4.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	573	592	-3.2%
Vốn chủ sở hữu	539	557	-3.1%
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	33.6	35.1	-4.3%

(Nguồn: fireant.vn)

